

Số: 39/2017/HSST

Ngày: 25-7-2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đoàn Nam Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Chí Nghĩa.

2. Ông Phạm Văn Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (số 1400 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh) đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2017/HSST ngày 15/6/2017 theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 57/2017/HSST-QĐ ngày 10/7/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh L; giới tính: Nam; sinh năm: 1993 tại: Tỉnh Gia Lai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên văn phòng; con ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1960 và bà Hà Thị Kim T, sinh năm 1970; tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/4/2017 đến nay, có mặt.

- Người bị hại: Chị Trịnh Quỳnh A, sinh năm: 1985.

Nơi cư trú: đường M, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/11/2016, Nguyễn Thanh L xin vào làm việc tại Công ty RI, ở lầu 4, số 18A, đường số 3, khu phố 4, phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh do chị Trịnh Quỳnh A làm giám đốc. Đến cuối tháng 12/2016, L bị tai nạn giao thông và nghỉ làm nhưng không báo cho Công ty và chị Quỳnh A biết nên chị Quỳnh A cho L nghỉ việc và thông báo cho các nhân viên trong công ty biết. Đến khoảng 08 giờ ngày 11/02/2017, L đi xe mô tô đến Công ty RI để lấy một số giấy tờ và đồ dùng cá nhân của L. Tại đây, L gặp và gửi xe cho anh Trần

Trọng T (bảo vệ của Công ty) rồi lên phòng làm việc. Lúc này, phòng làm việc chưa có người đến làm nên cửa phòng khóa. Do trước đây L làm việc nên biết mật khẩu mở ổ khóa nên L mở khóa cửa vào phòng lấy đồ dùng cá nhân. Trong lúc thu dọn đồ, L nhìn thấy trên bàn làm việc của chị Trịnh Quỳnh A có để một máy vi tính xách tay hiệu Acer, màu trắng ASS7-393 nên L nảy sinh ý định và lấy trộm máy vi tính xách tay của chị Quỳnh A bỏ vào túi vải, rồi giấu vào trong người, sau đó L đi ra ngoài lấy xe đi. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, chị Quỳnh A đến Công ty làm việc thì phát hiện mất máy vi tính xách tay. Chị Quỳnh A hỏi anh T thì được biết L vừa đến Công ty và đi vội vã. Lúc này, chị Quỳnh A nghi L đã lấy máy vi tính xách tay nên điện thoại hỏi L, nhưng L nói không có lấy rồi sau đó L khóa máy điện thoại không liên lạc được.

Sau khi lấy trộm máy vi tính xách tay của chị Quỳnh A, L đem đến nhà anh Võ Ngọc T, tại số Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh nhờ anh T mở khóa và cài đặt lại máy. L xóa hết dữ liệu của chị Quỳnh A trong máy rồi để sử dụng. Sau khi bị mất máy vi tính xách tay, chị Quỳnh A kể lại cho anh Võ Trung H, làm chung công ty biết. Anh H điện thoại cho bà Hà Thị Kim T (mẹ ruột L) để vận động L trả lại máy vi tính xách tay cho chị Quỳnh A, nhưng vẫn không thấy L trả lại. Đến ngày 25/02/2017, anh H thông qua người quen nhờ nhắn tin hẹn L ra quán cà phê Máy, tại số 63, đường Trương Quyền, Phường 6, Quận 3 để hợp tác làm ăn. Khoảng 16 giờ cùng ngày, L điều khiển xe mô tô và mang theo máy vi tính xách tay của chị Quỳnh A đến quán cà phê Máy thì bị chị Quỳnh A và anh Hà bắt giữ và trình báo Công an phường 6, Quận 3 đến giải quyết. Sau đó, Công an phường 6, Quận 3 chuyển Nguyễn Thanh L cùng vật chứng cho Công an quận 2 xử lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận 2, L khai nhận đã lấy trộm máy vi tính xách tay của chị Quỳnh A như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ:

- Một máy vi tính xách tay hiệu Acer, màu trắng ASS7-393 i5-5200u/8G/128G (đã trả lại chủ sở hữu);

Tại kết luận định giá tài sản số: 70/HĐĐGTS-TCKH ngày 04/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp quận thuộc Ủy Ban nhân dân quận 2, kết luận:

- Một máy vi tính xách tay hiệu Acer, màu trắng ASS7-393; i5-5200u/8G/128G

Tổng giá trị tài sản: 12.990.000 (mười hai triệu chín trăm chín chục ngàn) đồng.

Về dân sự: Chị Trịnh Quỳnh A đã nhận lại tài sản và yêu cầu Nguyễn Thanh L bồi thường 20.000.000 đồng để khắc phục các dữ liệu, hợp đồng lưu trữ trong máy vi tính xách tay mà L đã xóa.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, bị cáo đồng ý với các kết luận giám định và không có ý kiến gì khác.

Bản Cáo trạng số 46/CTr-VKS ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận 2 đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Đây là vụ án “Trộm cắp tài sản” do Nguyễn Thanh L thực hiện hành vi phạm tội. Khoảng 8 giờ ngày 11/02/2017, L đã đến Công ty RI, lợi dụng lúc không có chị Quỳnh A ở Công ty, L đã lén lút lấy trộm 01 máy vi tính xách tay của chị Quỳnh A trị giá 12.990.000 đồng để sử dụng. Hành vi của L đã xâm phạm đến tài sản của người khác được luật hình sự bảo vệ và gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội nên cần được xử lý nghiêm.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trịnh Quỳnh A yêu cầu Nguyễn Thanh L bồi thường 20.000.000 đồng để khắc phục các dữ liệu, hợp đồng lưu trữ trong máy vi tính xách tay mà L đã xóa. Bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay đồng ý bồi thường cho chị Quỳnh A theo yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về vật chứng: Đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 2 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh L từ 09 đến 12 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là từ 18 đến 24 tháng.

Bị cáo không tranh luận và nói lời sau cùng: Bị cáo thấy sai và hứa sẽ cố gắng sửa chữa lỗi lầm xin Hội đồng xét xử khoan hồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi:

Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thanh L thừa nhận đã có hành vi lén lút trộm cắp một máy vi tính xách tay hiệu Acer, màu trắng ASS7-393; i5-5200u/8G/ 128G, có giá trị tài sản: 12.990.000 (mười hai triệu chín trăm chín chục ngàn) đồng.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, Biên bản định giá tài sản, lời khai của người bị hại, lời khai của người làm

chứng ... và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng định khung hình phạt:

Hành vi của bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khác. Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có việc làm ổn định. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009, nên áp dụng cho bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Về vật chứng:

- Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

Về dân sự: Tại phiên Tòa bị cáo và người bị hại chị Trịnh Quỳnh A cùng thống nhất bị cáo sẽ bồi thường 20.000.000 đồng để khắc phục các dữ liệu, hợp đồng lưu trữ trong máy vi tính xách tay mà bị cáo đã xóa cho người bị hại mà không yêu cầu người bị hại phải chứng minh, xét đây là sự thỏa thuận tự nguyện và không trái pháp luật của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thanh L** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh L** 01 (một) năm tù. Nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo

Nguyễn Thanh L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo L phải chịu trách nhiệm bồi thường cho chị Trịnh Quỳnh A số tiền: 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền. Kể từ ngày chị Anh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ đối với số tiền trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu trả số tiền lãi cho chị Anh theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. *Về án phí:* Áp dụng Điều 98, 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh L nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo rõ)

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Công an TP.HCM;
- Sở T pháp TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân quận 2;
- Thi hành án Dân sự quận 2;
- Công an quận 2;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đoàn Nam Hà